

TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG
TỔNG CÔNG TY KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

Số: 08 /QĐ-TCTKTKT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Kinh tế Kỹ thuật

CHỦ TỊCH TỔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-BQP ngày 04/4/2022 của Bộ Quốc phòng Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng;

Căn cứ Công văn số 592/BQP-Kte ngày 28/02/2023 của Bộ Quốc phòng về việc đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Phouluang và công ty METCO của Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 32901/CT-VVFC/BAN3 ngày 29/3/2024 của Công ty Cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam VVFC;

Căn cứ Tờ trình số 1547 /TTr-TCTKTKT ngày 17 / 4 /2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật CNQP xin ý kiến Chủ tịch Tổng công ty về việc xin phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Kinh tế Kỹ thuật;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Tổng công ty;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án thoái vốn của Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật CNQP tại Công ty Cổ phần Kinh tế Kỹ thuật (METCO).

(Có phương án kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế cho Quyết định số 01/QĐ-TCTKTKT ngày 11/01/2024 của Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật CNQP về việc phê duyệt phương án thoái vốn Tại Công ty Cổ phần Kinh tế Kỹ thuật.

Điều 3. Ban chỉ đạo thoái vốn Đầu tư ngoài doanh nghiệp, người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty KTKT CNQP đầu tư vào Công ty METCO, Công ty METCO, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Tổng giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- B1, B2, B4, B14, B18;
- Metco;
- Lưu: VT, BCĐTV, D090

TỔNG CÔNG TY KINH TẾ KỸ THUẬT CNQP
Ngày... 17... tháng... 5... năm 2024...

SAO Y BẢN CHÍNH
TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hải

CHỦ TỊCH TỔNG CÔNG TY

TỔNG CÔNG TY
KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP
QUỐC PHÒNG
ĐẠI DIỆN TP HÀ NỘI

Đại tá Phan Chiến Thắng

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ KỸ THUẬT
(Kèm theo quyết định số 08/QĐ-TCTKTKT ngày 17/4/2024
của Chủ tịch Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật CNQP)

I. Cơ sở pháp lý, mục đích thoái vốn

1. Khái quát sơ bộ về dự án góp vốn

Tên công ty: Công ty Cổ phần Kinh tế kỹ thuật

Các cổ đông sáng lập:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (góp vốn 11%);
- Tổng công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam (góp vốn 11%);
- Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng (góp vốn 67%);
- Công ty TNHH MTV Hóa chất 21 (góp vốn 11%).

Hình thức đầu tư: Góp vốn

Thời gian thực hiện dự án được cấp phép: 18/10/2010.

Vốn đầu tư:

Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh tế - Kỹ thuật là 20 tỷ đồng. Trong đó, vốn góp của Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật CNQP là 13,4 tỷ đồng (67% vốn điều lệ).

Từ 01/2023, Công ty Cổ phần Kinh tế - Kỹ thuật tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 38,8 tỷ đồng. Vì vậy vốn góp của Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật CNQP (13,4 tỷ đồng) chiếm 34,54% vốn điều lệ.

Văn bản pháp lý liên quan đến việc Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật CNQP góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh tế kỹ thuật

- Công văn số 6196/BQP-KT ngày 18/10/2010 của Bộ Quốc phòng về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Kinh tế - Kỹ thuật của Công ty Vật tư Công nghiệp quốc phòng thuộc TC CNQP.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Kinh tế - Kỹ thuật, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2010.

2. Căn cứ pháp lý:

- Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội về Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- Nghị quyết 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp

- Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về vốn đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;

- Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 126/2017/nđ-cp ngày 16 tháng 11 năm 2017 của chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và nghị định số 32/2018/nđ-cp ngày 08 tháng 3 năm 2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Nghị định 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 12 nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 điều 1 nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/nđ-cp ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Quyết định 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025";

- Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP;

- Thông tư 156/2019/TT-BQP ngày 15/10/2019 của Bộ Quốc phòng về Hướng dẫn thực hiện chuyển nhượng phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần do Bộ Quốc phòng là cơ quan đại diện chủ sở hữu;

- Công văn số 592/BQP-Kte ngày 28/02/2023 của Bộ Quốc phòng về việc đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Phouluang và công ty METCO của Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng;

- Nghị quyết số 30/NQ-HĐTV ngày 15/6/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc thoái vốn đối với Công ty Cổ phần Kinh tế Kỹ thuật (Metco).

3. Mục đích thoái vốn

Phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Tổng công ty; quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

II. Đánh giá tình hình đầu tư vốn

1. Đánh giá tình hình đầu tư vốn

Công ty Cổ phần Kinh tế - Kỹ thuật (METCO) được thành lập tháng 11/2010. Năm 2011, 2012, khi mới đi vào hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh của METCO còn chưa mang lại lợi nhuận. Bắt đầu từ năm 2013, sau khi hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận, hàng năm, METCO đều trả cổ tức cho Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật CNQP. Lũy kế từ cổ tức đã trả cho Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật CNQP đến năm 2021 là: 7,78 tỷ đồng. Cụ thể:

Năm	Chi trả cổ tức hằng năm
2011	
2012	
2013	177.571.007
2014	1.608.000.000
2015	938.000.000
2016	470.618.664
2017	572.289.285
2018	564.016.980
2019	790.131.048
2020	1.224.241.114
2021	1.438.932.388
Tổng cộng	7.783.800.486

Năm 2022, Công ty CP Kinh tế - Kỹ thuật chưa chi trả cổ tức cho cổ đông do chưa họp hội đồng cổ đông năm 2022.

2. Lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc thoái vốn

Mục tiêu chính để thành lập Công ty METCO là triển khai dịch vụ nổ mìn cho ngành dầu khí; tuy nhiên, đến nay thời gian đã 12 năm mục tiêu này chưa thực hiện được do lý do khách quan, về lâu dài chưa có tín hiệu triển khai được. Trong ngắn hạn, Công ty METCO triển khai dịch vụ nổ mìn cho Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo theo hợp đồng số NPM/1202/02, nhưng đến 19/01/2024 hết hạn hợp đồng. Vì vậy, việc thoái vốn của Tổng công ty tại METCO giúp Tổng công ty tập trung nguồn lực, thực hiện trọng tâm vào ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

III. Tình hình tài chính, kết quả SXKD của METCO

1. Tình hình tài chính 9 tháng đầu năm 2023 của METCO

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN	107.380	111.599
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	101.828	101.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.693	26.098
1. Tiền	2.693	26.098
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	91.406	69.173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	84.253	62.866
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	139	32
3. Phải thu ngắn hạn khác	17.990	17.251
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-10.976	-10.976
IV. Hàng tồn kho	6.675	6.045
1. Hàng hóa tồn kho	6.675	6.045
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.053	615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	348	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	705	615
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	5.552	9.668
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.442	5.765
6. Phải thu dài hạn khác	2.442	5.765
II. Tài sản cố định	2.930	3.750
1. Tài sản cố định hữu hình	2.930	3.750
- Nguyên giá	18.110	18.110
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-15.180	-14.360
3. Tài sản cố định vô hình	0	0
- Nguyên giá	100	100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-100	-100
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Tài sản dở dang dài hạn		
V. Đầu tư tài chính dài hạn		
VI. Tài sản dài hạn khác	181	152
1. Chi phí trả trước dài hạn	181	152
NGUỒN VỐN	107.380	111.599
C - NỢ PHẢI TRẢ	75.981	75.583
I. Nợ ngắn hạn	75.981	75.583
1. Phải trả người bán ngắn hạn	55.999	47.491
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0	0

bt

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	38	663
4. Phải trả người lao động	1.426	6.267
9. Phải trả ngắn hạn khác	16.030	17.893
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.986	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	2.300
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	502	969
II. Nợ dài hạn		
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	31.399	36.016
I. Vốn chủ sở hữu	31.399	36.016
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000	31.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	33.000	31.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	993	993
11. Lợi nhuận chưa phân phối	-2.594	4.024
- LNST chưa phân phối lũy kế đến kỳ trước	4.024	0
- LSNT chưa phân phối kỳ này	-6.618	4.024

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	Doanh thu	Giá vốn	CPBH	CPQL	LN trước thuế
1	Sáp, Phụ gia và hóa chất	22.611	19.932	1.134	2.202	-657
2	Dịch vụ nổ mìn	34.895	30.481	6.644	2.236	-4.466
3	Dịch vụ khác	7.151	6.398	630	602	-478
4	Dịch vụ du lịch	1.010	929	70	85	-73
5	KD bán hàng nội địa	1.709	1.597	732	544	-1.164
6	Hoạt động tài chính	267	38			229
7	Hoạt động khác	222	2			220
Tổng cộng		67.378	59.338	9.211	5.669	-6.389

+ Hoạt động khoan, nổ mìn tại dự án trong nước

Doanh thu đạt 36.309 trđ chiếm 53,89% (36.309 trđ/ 67.378trđ) tổng doanh thu, tương đương 19,63% cùng kỳ năm 2022. Doanh thu của hoạt động khoan, nổ mìn tại dự án Núi Pháo chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu của Công ty. Do chưa điều chỉnh được đơn giá sản phẩm ANFO – 15WR nên Doanh thu chưa đủ cơ sở ghi nhận tương ứng với sản lượng sản phẩm ANFO – 15WR là: 388.864 kg, chênh lệch giá là: 0,337 USD/kg. (Tổng số doanh thu chênh lệch giá là khoảng 3,2 tỷ đồng).

Mặt khác, ngày 27/4/2023, Công ty Núi Pháo đã đơn phương chấm dứt hợp đồng này. Hiện tại, các vướng mắc về công nợ, VLNCN tồn kho tại dự án Núi Pháo vẫn chưa được giải quyết.

+ Hoạt động nổ mìn tại Lào: Doanh thu đạt 5.737 triệu đồng chiếm 8.45% tổng doanh thu.

+ Các hoạt động khác của Công ty đạt doanh thu: 7.675 triệu đồng chiếm 12,22% tổng doanh thu.

+ 9 tháng đầu năm 2023, Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty lỗ 6.389 triệu đồng.

3. Một số tồn tại

3.1 Công nợ phải thu khách hàng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khách hàng	Dư nợ	Nợ trong hạn	Nợ khó đòi, quá hạn			
				Khó đòi	Dưới 6 tháng	Từ 6 tháng - 1 năm	Từ 1 năm - 2 năm
1	Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị Thành Công	1.950			1.950		
2	Công ty CP thép hòa phát Dung Quất	13.117					13.117
3	Công ty vật liệu METATECH	342	342				
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 14	690	690				
5	Công ty CP liên kết truyền thông Toàn Cầu	10.789		10.789			
6	Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	56.212				56.212	
7	Công ty TNHH vàng Phước Sơn	187		187			
8	Trường Sỹ quan chính trị-BQP	363	363				
9	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ công nghệ TND	602	602				
10	Nguyễn Thị Tuyết Lê	2	2				
Tổng cộng		84.253	1.998	10.976	1.950	56.212	13.117

Các khoản nợ phải thu khách hàng của Công ty bị quá hạn thanh toán. Tỷ lệ nợ trong hạn chiếm 2,37% (1.998 trđ/ 84.253trđ) dư nợ; tỷ lệ nợ quá hạn thanh toán chiếm 84,6% (71.279trđ/ 84.253trđ) tổng dư nợ; tỷ lệ nợ khó đòi 13,03% (10.976trđ/ 84.253trđ) tổng dư nợ. Công ty đã trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi số tiền: 10.976 trđ.

3.2 Phải thu khác

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khách hàng	Dư nợ
I	TK 1388 - Phải thu khác	15.166
1	Dự án thuốc nổ	150
2	Công ty CP thép hòa phát Dung Quất	14.961
3	Nguyễn Thị Thanh Vân	24
4	Nguyễn Thị Hằng Nga	2
5	Lê Ngọc Lăng	20
6	Nguyễn Hùng Cường	9
II	TK 141 - Tạm ứng	2.824
1	Nguyễn Ngọc Thụy	1.609
2	Trịnh Trung Hiếu	490
3	Đình Văn Quân	15
4	Trần Mạnh Hùng	76
5	Trương Thị Mai Hương	40
6	Trương Tiến Hanh	100
7	Đào Đình Chuyên	39
TT	Khách hàng	Dư nợ
8	Lê Thị Hương	40
9	Nguyễn Thị Kim Ngân	6
10	Nguyễn Thị Tuyết Lê	40
11	Nguyễn Văn Minh	358
12	Phạm Thị Hương Giang	9
	Phải thu ngắn hạn khác	17.990
III	TK 244 - Ký quỹ, ký cược - Sacombank	2.442
	Phải thu dài hạn khác	2.442

3.3 Nợ phải trả người bán

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khách hàng	Dư nợ
I	Dịch vụ nổ mìn tại Lào	2.056
1	Công ty TNHH KGSC	2.056
II	Dịch vụ nổ mìn tại Quảng Ngãi (Tập đoàn Hòa Phát)	3.442

TT	Khách hàng	Dư nợ
1	Công ty CP tập đoàn Hoàng Huy	1.619
2	Công ty TNHH MTV Gỗ Anh Phát	1.151
3	Công ty CP Thịnh Cường	284
4	Công ty TNHH vận tải đường bộ Ngọc Hà	388
III	Dịch vụ nổ mìn tại Thái Nguyên (Dự án Núi Pháo)	47.888
1	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Metco	3.901
2	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Thùy Dung	3.178
3	Orica Singapore PTE LTD	2.366
4	Tổng công ty CN HCM - Vinacomin	2.199
5	Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật CNQP	32.659
6	Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	3.585
IV	Công nợ phải trả người bán khác	2.616
1	Công ty CP Công nghệ vật liệu METATECH	319
2	Công ty TNHH lương thực thực phẩm gạo sạch Trạm Trôi	574
3	Công ty TNHH quốc tế Thiên Vinh	244
4	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Vina Bình Minh	323
5	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Hoàng Minh	756
6	Công ty CP thương mại và quốc tế Nam Bảo Hưng	154
7	Công ty TNHH dịch vụ vận tải hàng hóa Hà Nội Sài Gòn	12
TT	Khách hàng	Dư nợ
8	Công ty TNHH liên kết thương mại Toàn Cầu	234
Tổng cộng		56.000

3.4 Nợ phải trả khác

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khách hàng	Dư nợ
I	Kinh phí công đoàn (TK3382)	18
II	Phải trả, phải nộp khác (TK3388)	16.012
1	Công ty CP Thịnh Cường	14.961
2	Tổng công ty KTKT CN Quốc Phòng	758
3	Đặng Thị Thu Giang	2.8
4	Đình Văn Quân	13.7
5	Hoàng Thúy Hiền	48
6	Lê Viết Hùng	4.5
7	Lê Thị Hương	60
8	Mai Ngọc Sơn	4.5
9	Nguyễn Thị Tuyết Lê	0.5
10	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1.2

TT	Khách hàng	Dư nợ
11	Nguyễn Văn Hiền	3.7
12	Nguyễn Văn Minh	17.2
13	Nguyễn Văn Tấn	4.5
14	Phạm Thị Hương Giang	4.2
15	Trương Thị Mai Hương	30.3
16	Trần Thị Nhài	1.2
17	Thù lao HĐQT phải trả	96
TỔNG CỘNG		16.030

4. Nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào METCO

Tuy nhu cầu của thị trường không cao, Tổng công ty nhận định có các cá nhân, doanh nghiệp quan tâm đến việc tham gia đầu tư vốn vào METCO.

5. Giá trị dự kiến thu được khi thoái vốn

Năm 2010, Tổng công ty đã đầu tư 13,4 tỷ đồng, tương đương 1.340.000 cổ phần phổ thông.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 32901/CT-VVFC/BAN3 ngày 29/3/2024 của Công ty Cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam VVFC, giá cổ phần của Công ty Metco làm tròn là 15.900 đồng/cổ phần; giá trị phần vốn góp của Tổng công ty GAET tại Công ty Metco là 21.306.000.000 đồng.

Tổng công ty dự kiến sau khi thoái vốn, thu được phần vốn tối thiểu là 21,3 tỷ đồng (chưa trừ các khoản chi phí thực hiện thoái vốn theo quy định).

IV. Phương thức thoái vốn

Tổng công ty thực hiện theo phương thức bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bán đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận.

V. Dự kiến chi phí thuê các Tổ chức tư vấn định giá, bán đấu giá cổ phần

Tổng công ty dự kiến lựa chọn Công ty Cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam VVFC để ký kết Hợp đồng nhằm phục vụ công tác xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn góp của Tổng công ty GAET tại Công ty Metco với mức phí dự kiến: 140.000.000 đồng.

Tổng công ty dự kiến chi phí bán đấu giá cổ phần là: 200.000.000 đồng.

VI. Dự kiến giải quyết chế độ chính sách cho quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng

Tổng quân số diện quân lực quản lý: 15 đồng chí. Trong đó:

- Quân nhân chuyên nghiệp: 6 đồng chí;
- Công nhân viên chức quốc phòng: 3 đồng chí;
- Lao động hợp đồng: 6 đồng chí. *MA*

Dự kiến giải quyết chế độ chính sách cho quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng:

- Đối với QNCN, CNVQP: Xem xét, bố trí về các đơn vị, hạn chế tối đa việc bố trí tại cơ quan Tổng công ty (Lý do: Chưa đủ điều kiện nghỉ hưu);
- Đối với LĐHD: Xem xét dứt hợp đồng lao động.
- Các trường hợp có nhu cầu xin chuyển công tác đi đơn vị khác.

VII. Thu hồi, giải quyết các phương tiện vận tải mang biển kiểm soát quân sự, các thiết bị quân sự

Công ty METCO hiện không có phương tiện vận tải mang biển kiểm soát quân sự, không có các thiết bị quân sự.

VIII. Kế hoạch chuyển giao tổ chức Đảng về địa phương sau khi hoàn thành thoái vốn

Tổng công ty phối hợp với cấp ủy và cơ quan địa phương thực hiện sau khi thoái vốn.

IX. Dự kiến thời gian thực hiện và hoàn thành thoái vốn

Tổng công ty dự kiến hoàn thành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Kinh tế kỹ thuật trong quý III/2024./.